

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 505/2024/DS-PT  
Ngày 16 - 9 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Sỹ Trứ

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Ngô Thị Bích Diệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 353/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2024/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 368/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 441/2024/QĐ-PT ngày 29/8/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Võ Văn B, sinh năm 1960; địa chỉ: số F đường Đ, tổ C, khu phố A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Cao Thị Ú, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ dân phố E, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 19/8/2024), có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1985; địa chỉ: số C, đường Đ, tổ C, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của bị đơn:** Bà Đặng Thị Ngọc D, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh, là đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 25/4/2024), có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Võ Thị Bích L, sinh năm 1985; địa chỉ: số F, đường Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Người kháng cáo:** Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 12 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Bích P là bạn thân của bà Võ Thị Bích L, bà L là con ruột của ông Võ Văn B. Vì cần tiền làm ăn nên bà P có nhờ bà L xin ông B cho bà P vay số tiền 2.600.000.000 đồng và được ông Võ Văn B đồng ý.

Ngày 19/6/2023, bà P lập hợp đồng vay tiền của ông B. Việc lập hợp đồng vay và nhận tiền tại nhà ông B, địa chỉ: số F Đường Đ, tổ C, khu A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, trước sự chứng kiến của bà Võ Thị Bích L. Nội dung hợp đồng vay như sau: số tiền vay: 2.600.000.000 đồng, lãi suất: 40.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay: 06 tháng từ ngày 19/06/2023 đến ngày 19/12/2023, thời hạn thanh toán lãi: ngày 19 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 07/2023, thời hạn thanh toán tiền gốc đã vay 2.600.000.000 đồng là ngày 19/12/2023.

Sau khi nhận tiền vay xong, bà P có trả tiền lãi 40.000.000 đồng cho ông B thông qua số tài khoản của bà L. Bà P trả lãi được các tháng 7, 8, 9, 10 năm 2023. Từ tháng 11/2023 cho đến nay bà P không trả lãi. Và nay đã quá hạn thanh toán tiền gốc, bà P vẫn không trả. Ông B, bà L nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích P trả tiền ngay cho ông B nhưng bà P cứ hứa hẹn, lẩn tránh.

Theo đơn khởi kiện của ông B, bà P phải trả cho ông B số tiền gốc đã vay là 2.600.000.000 đồng và tiền lãi suất 40.000.000 đồng/tháng, tiền lãi tính từ tháng 11/2023 cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Bích P có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn B tạm tính: tiền gốc 2.600.000.000 đồng + tiền lãi tạm tính là 80.000.000 đồng (tháng 11 và 12 năm 2023) = 2.680.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm bà Nguyễn Thị Bích P không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố đối với vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/4/2024, người đại diện hợp pháp của bị đơn xuất trình chứng cứ là bản sao kê Ngân hàng TMCP Q phát hành cho rằng bà P đã chuyển khoản cho bà L để bà L giao lại cho ông B với tổng số tiền là 1.465.000.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm phải tạm ngừng phiên tòa tiến hành làm việc với bà L để làm rõ sự việc.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Bích L trình bày:* Ông Võ Văn B là cha ruột của bà L. Bà L và bà P có mối quan hệ bạn bè. Bà L có biết việc bà P vay tiền của ông B. Bà P có trả lãi mỗi tháng 40.000.000 đồng cho ông B, trả lãi được 04 tháng thì ngưng. Số tiền bà L nhận của bà P thì bà L có giao lại cho ông B và ông B cũng thừa nhận trong đơn khởi kiện.

Ngoài ra, vì là chỗ quen biết thân tình bà L có cho bà P mượn tiền nhiều lần nên chuyển khoản các khoản tiền cho bà P. Các khoản bà L cho bà P mượn có thể hiện trong bản sao kê ngân hàng mà bà P xuất trình. Hiện nay trừ tiền bà P trả cho bà L thì bà P

còn nợ bà L rất nhiều. Bà L sẽ khởi kiện bà P bằng vụ án khác. Bà L có đơn yêu cầu được vắng mặt tất cả các lần tố tụng tại Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải, công bố, công khai, tiếp cận chứng cứ giữa các đương sự.

Tại phiên tòa ngày 24/5/2024, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

*Thứ nhất: về giao dịch vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn.*

Trước đây, bà P và bà Võ Thị Bích L (bà L là con ruột ông Võ Văn B) là bạn bè với nhau thân thiết. Sau đó, vì bà P cần một số tiền để làm ăn nên bà P có nhờ bà L vay giúp bà P một số tiền. Tuy nhiên, bà L nói rằng bà sẽ nhờ cha, mẹ bà cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà lấy tiền cho bà P vay.

Theo đó bà L cho bà P vay 2.600.000.000 đồng, kèm theo điều kiện là hàng tháng bà P trả tiền lãi 40.000.000 đồng để bà trả tiền lãi ngân hàng. Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày 19/6/2023 đến ngày 19/12/2023.

Theo thỏa thuận giữa bà P và bà L thì trong thời gian vay, thì khi nào bà P có tiền thì cứ chuyển trả dần tiền gốc qua số tài khoản của bà L hoặc giao tiền mặt, còn tiền lãi thì đến hạn khi nào bà Liên thông b thì bà P sẽ chuyển để bà trả tiền lãi ngân hàng mà cha, mẹ bà L đã cầm cố quyền sử dụng đất để vay cho bà P mượn, thật ra bên phía bà L có cầm cố tài sản là quyền sử dụng đất hay không thì bà P không biết, bà P chỉ nghe bà L nói.

Ngày 19/6/2023, khi lập hợp đồng vay tiền thì bà L nói bà P ký giấy với người cho vay là ông Võ Văn B. Vì là bạn bè thân thiết nên bà P tin tưởng bà L và đồng ý ký tên trên hợp đồng vay tiền. Bà P chỉ ký có 01 bản chính và giao cho bà L giữ.

*Thứ hai, về việc trả tiền gốc và lãi*

- Ngày 29/6/2023, bà P chuyển trả tiền gốc 250.000.000 đồng qua Ngân hàng TMCP Đ (B1).

- Trong tháng 7/2023 bà P trả ngày 14/7/2023, bà P chuyển trả tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi bà P trả tiền mặt 40.000.000 đồng.

- Ngày 17/8/2023, bà P chuyển 03 lần trong đó có 02 lần tiền gốc, tổng cộng là 515.000.000 đồng và 01 lần tiền lãi 40.000.000 đồng.

- Ngày 18/8/2023, bà P chuyển trả tiền gốc 02 lần tổng số tiền là 500.000.000 đồng và tiền lãi cho tháng tiếp theo là 7.500.000 đồng.

- Ngày 14/9/2023, bà P trả 5.000.000 đồng.

- Ngày 19/9/2023, bà P trả 2.500.000 đồng.

- Ngày 21/9/2023, bà P trả 20.000.000 đồng.

- Ngày 23/9/2023, bà P trả 2.000.000 đồng.

Như vậy trong tháng 9/2023 bà P trả được tiền lãi là 29.500.0000 đồng + 7.500.000 đồng = 37.000.000 đồng.

- Ngày 17/10/2023, bà P trả 5.000.000 đồng.

- Ngày 18/10/2023, bà P trả 5.000.000 đồng.

- Ngày 19/10/2023, bà P trả 60.000.000 đồng.

- Ngày 28/10/2023, bà P trả 6.000.000 đồng

Như vậy trong tháng 10/2023 bà P trả được tiền lãi là 76.000.000 đồng tiền lãi, trong đó có 40.000.000 đồng tiền lãi trả trước cho tháng 11/2023.

Tổng số tiền gốc bà P đã trả cho giấy vay tiền ngày 19/6/2023 của bà L và ông B là: 1.465.000.000 đồng và tổng số tiền lãi của 06 tháng vay là 193.000.000 đồng.

Bởi vì bà P chỉ vay tiền bà L nên những lần đóng tiền lãi và trả dần tiền gốc bà P đều chuyển khoản vào số tài khoản của bà L, việc này cũng được bà L thừa nhận và thời gian bắt đầu chuyển khoản tiền đều sau ngày lập hợp đồng vay là ngày 19/6/2023.

Trong quá trình mượn tiền, bà P chỉ liên lạc, trao đổi với bà L chứ không liên lạc gì với ông B, việc trả tiền cũng thông qua số tài khoản bà L, chứ không phải qua ông B.

Mặc dù trên hợp đồng vay tiền thì ông B là người đứng tên bên cho vay, nhưng bản chất là bà P vay tiền của bà L chứ không có vay tiền của ông B, ông B chỉ là người đứng tên cho vay, còn người giao tiền cho bà P vay là bà L.

Khi ông B khởi kiện, bà P có trao đổi với bà L thì bà L lại nói đây là khoản vay giữa bà P và ông B, bà L lại chối bỏ và nói không biết. Đến khi bà P cung cấp thêm chứng cứ về việc bà L nhận tiền thì bà L mới thừa nhận. Và bà L là người làm chứng trong hợp đồng vay tiền và cũng thừa nhận bà L có nhận tiền lãi khi bà P trả lãi nhưng bà L khai không biết về việc vay tiền giữa bà P và ông B là không đúng sự thật. Từ đó cho thấy ông B và bà L cố tình che giấu, khai không đúng sự thật ngay từ ban đầu.

Ngoài ra cho đến thời điểm hiện tại bà L cũng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào cho thấy lời khai của bà là có căn cứ là giữa bà P và bà L có tồn tại giao dịch vay mượn tiền khác ngoài hợp đồng vay tiền ngày 19/6/2023.

Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên cho thấy lời khai của bị đơn là có căn cứ, những lời trình bày của bị đơn là sự thật. Hợp đồng vay tiền giữa bà P và ông B chỉ là hình thức, bản chất giao dịch vay tiền là giữa bà P và bà L và bà P có trả những khoản tiền lãi và gốc là hoàn toàn đúng sự thật. Và giữa bà P và bà L chỉ tồn tại duy nhất một giao dịch vay mượn tiền theo hợp đồng ngày 19/6/2023, giữa ông B và bà P không tồn tại bất cứ giao dịch vay mượn tiền nào.

Số tiền còn lại bà P nợ bà L theo giấy mượn nợ ngày 19/6/2023 (do ông B đứng tên) là 1.135.000.000 đồng và bà P xin trả số tiền này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2024/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn B đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích P trả cho ông Võ Văn B số tiền 2.979.914.950 đồng (hai tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu chín trăm mười bốn nghìn chín trăm năm mươi), trong đó: nợ gốc là 2.600.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm triệu), lãi trong hạn 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, lãi suất quá hạn: 299.914.950 (hai trăm chín mươi chín triệu chín trăm mười bốn nghìn chín trăm năm mươi) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 04/6/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P có đơn kháng cáo toàn bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng đánh giá lại toàn bộ chứng cứ, khấu trừ số tiền lãi và gốc mà bà P đã thanh toán.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện trên cơ sở giấy vay tiền có chữ ký của bị đơn, bị đơn thừa nhận có ký giấy vay, có nhận tiền nhưng không vay nguyên đơn mà vay bà Võ Thị Bích L và đã trả cho bà L một phần gốc và lãi nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, tuy nhiên cách tuyên về tính lãi là chưa phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, sửa lại cách tuyên về tính lãi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P kháng cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý theo quy định của pháp luật.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Bích L có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Võ Văn B khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích P yêu cầu trả 2.680.000.000 đồng tiền nợ vay và tiền lãi suất. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm ngày 19/6/2023.

Hợp đồng vay tiền ngày 19/6/2023 thể hiện nội dung: bà P có vay của ông Võ Văn B số tiền 2.600.000.000 đồng, lãi suất là 40.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay 06 tháng (kể từ ngày 19/6/2023 đến ngày 19/12/2023), có chữ ký của bà P bên dưới hợp đồng vay tiền nên có đủ căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng vay tiền ngày 19/6/2023, bị đơn đã nhận số tiền 2.600.000.000 đồng. Như vậy đến ngày 19/12/2023 thì bà P phải trả khoản tiền đã vay cho ông B nhưng bà P không thực hiện là vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ của người vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dn sự nên ông B khởi kiện bà P buộc trả số tiền gốc 2.600.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Bị đơn cho rằng việc vay mượn tiền thực chất là giữa bà L và bà P. Bà L là người cho bà P vay tiền nên bà P nhiều lần chuyển khoản cho bà L để trả nợ gốc và lãi suất. Qua xem xét Hợp đồng vay tiền thể hiện bên cho vay là ông Võ Văn B, bên vay là bà Nguyễn Thị Bích P. Ông B và bà P có ký tên bên dưới hợp đồng vào đúng vị trí bên cho

vay và bên vay. Bà Võ Thị Bích L ký tên là người làm chứng. Qua làm việc với bà L, bà L xác định bà L có cho bà P vay rất nhiều tiền gồm nhiều lần. Hai bên có vay có trả. Tuy nhiên khoản tiền tranh chấp nêu trên là giao dịch giữa ông B và bà P và bà L có biết. Chứng cứ chứng minh là bản sao kê Ngân hàng TMCP Q mà bà P xuất trình. Qua xem xét chứng cứ là bản sao kê Ngân hàng TMCP Q mà bà P cung cấp thể hiện số tiền bà L chuyển khoản cho bà P nhiều hơn số tiền bà P chuyển khoản cho bà L. Như vậy nội dung giấy mượn tiền thể hiện và sự phủ nhận của bà L đối với lời trình bày của bà P đủ cơ sở xác định lời trình bày của bà L là phù hợp, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi:

Theo thỏa thuận bị đơn phải trả lãi suất 40.000.000 đồng/tháng tương ứng 1,53%/tháng. Do hợp đồng vay giữa ông B và bà L là hợp đồng vay có lãi suất và có thời hạn nên mức lãi suất các bên thỏa thuận phải phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tức là không được vượt quá mức 20%/năm (1,66%/tháng). Mức lãi suất các bên thỏa thuận chỉ 1,53%/tháng thấp hơn mức quy định là phù hợp pháp luật.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả tiền lãi được 04 tháng với số tiền 160.000.000 đồng, như vậy khoản lãi suất trong hạn mà bị đơn còn nợ nguyên đơn 02 tháng tương ứng 80.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi suất quá hạn của nguyên đơn: Do đến ngày 19/12/2023 mà bị đơn chưa trả nợ nên phải trả khoản tiền lãi suất quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, cụ thể: lãi suất quá hạn 1 tháng:  $2.600.000.000 \text{ đồng} \times 1,53\%/\text{tháng} \times 150\% = 59.670.000 \text{ đồng}$ ; lãi suất quá hạn 01 ngày:  $59.670.000 \text{ đồng}/\text{tháng} : 30 \text{ ngày} = 1.989.000 \text{ đồng}$ .

Lãi suất quá hạn từ 19/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/5/2024) tương ứng 5 tháng 5 ngày. Tính thành tiền là:  $308.295.000 \text{ đồng} \{ (59.670.000 \text{ đồng}/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng}) + (1.989.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 5 \text{ ngày}) \}$

Tổng số tiền bà P phải trả cho ông B:  $2.600.000.000 \text{ đồng} + 80.000.000 \text{ đồng} + 308.295.000 \text{ đồng} = 2.988.295.000 \text{ đồng}$ .

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp, các chứng cứ khác đã thu thập được, quy định của pháp luật và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo nhưng không xuất trình chứng cứ mới chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Tuy nhiên, Hợp đồng vay tiền ngày 19/6/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng phản tuyên về nghĩa vụ thi hành án trong phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên không đúng và tính toán về số liệu chưa đúng nên cần sửa bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả cho người kháng cáo tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 48; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 429, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2024/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương như sau:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn B đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích P trả cho ông Võ Văn B số tiền 2.988.295.000 đồng (hai tỷ chín trăm tám mươi tám triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng), trong đó: gốc 2.600.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm triệu), lãi trong hạn 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, lãi suất quá hạn: 308.295.000 đồng (ba trăm lẻ tám triệu hai trăm chín lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày 25/5/2024, bà Nguyễn Thị Bích P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu 91.765.900 đồng (chín mươi một triệu bảy sáu mươi lăm chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Võ Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả cho ông B số tiền 8.265.000 đồng (tám triệu hai trăm sáu lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí trước đây theo theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001227 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà P 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002017 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Sỹ Trứ**